

**Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần chỉ số VN30
kỳ tháng 1/2019**

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
1	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	247.713.403	70%	100%
2	CTD	CTCP Xây Dựng Coteccons	76.378.873	55%	100%
3	CTG	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.723.404.556	8%	100%
4	DHG	CTCP Dược Hậu Giang	130.746.071	25%	100%
5	DPM	Tổng Cty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí -CTCP	391.334.260	40%	100%
6	EIB	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	1.229.432.904	85%	100%
7	FPT	CTCP FPT	613.554.396	80%	100%
8	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	1.913.950.000	5%	100%
9	GMD	CTCP GEMADEPT	296.924.957	85%	100%
10	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	980.999.771	70%	100%
11	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	2.123.907.166	60%	100%
12	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.113.398.401	60%	100%
13	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan	1.163.149.548	40%	100%
14	MWG	CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động	442.938.986	65%	100%
15	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	930.446.674	35%	100%
16	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	167.002.273	80%	100%
17	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	310.050.926	55%	100%
18	ROS	CTCP Xây dựng FLC Faros	567.598.121	30%	100%
19	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	641.281.186	11%	100%
20	SBT	CTCP Thành Thành Công- Biên Hòa	525.139.652	50%	100%
21	SSI	CTCP Chứng Khoán SSI	509.170.288	60%	100%
22	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.803.653.429	95%	100%
23	TCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	3.496.592.160	65%	100%
24	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.708.877.448	8%	100%
25	VHM	CTCP Vinhomes	3.349.513.918	25%	41,91%
26	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP	3.191.621.230	30%	41,91%
27	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	541.611.334	50%	100%
28	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	1.741.407.855	50%	52,77%
29	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh vượng	2.456.748.366	70%	100%
30	VRE	CTCP Vincom Retail	2.328.818.410	45%	41,91%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
-----	----------	-------------	---------------------------------	-------------------------------	-------------------------------

**DANH MỤC CỔ PHIẾU DỰ PHÒNG CỦA CHỈ SỐ VN30
KỶ THÁNG 1/2019**

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)
1	HNG	CTCP Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	886.843.895	40%
2	GEX	Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	406.560.000	75%
3	DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	349.821.356	75%
4	HCM	CTCP Chứng Khoán TPHCM	302.293.058	40%
5	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	353.271.564	55%

**Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần chỉ số
VNMIIDCAP kỳ tháng 1/2019**

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
1	AAA	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	171.199.976	55%	100%
2	ANV	CTCP Nam Việt (Navico)	127.144.875	25%	100%
3	ASM	CTCP Tập Đoàn Sao Mai	258.869.222	55%	100%
4	AST	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco	36.000.000	20%	100%
5	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền	57.167.993	35%	100%
6	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	117.276.895	15%	100%
7	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	91.354.037	30%	100%
8	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	81.860.938	45%	100%
9	BWE	CTCP Nước - Môi trường Bình Dương	150.000.000	30%	100%
10	CHP	CTCP Thủy Điện Miền Trung	138.598.505	35%	100%
11	CMG	CTCP Tập Đoàn Công Nghệ CMC	72.055.210	50%	100%
12	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam	103.625.262	50%	100%
13	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	44.200.000	25%	100%
14	CTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận Idico	62.999.997	85%	100%
15	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	529.400.000	25%	100%
16	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	300.123.747	65%	100%
17	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	40.124.790	45%	100%
18	DRC	CTCP Cao Su Đà Nẵng	118.792.605	50%	100%
19	DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	349.821.356	75%	100%
20	FCN	CTCP Fecon	94.344.562	80%	100%
21	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T	254.730.247	35%	100%
22	FLC	CTCP Tập Đoàn FLC	709.997.807	80%	100%
23	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	68.000.000	45%	100%
24	GEX	Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	406.560.000	75%	100%
25	GTN	CTCP GTNFOODS	250.000.000	50%	100%
26	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	927.399.283	65%	100%
27	HBC	CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	196.074.977	75%	100%
28	HCM	CTCP Chứng Khoán TPHCM	302.293.058	40%	100%
29	HDG	CTCP Tập Đoàn Hà Đô	94.919.409	55%	100%
30	HNG	CTCP Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	886.843.895	40%	100%
31	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	384.828.828	60%	100%
32	HT1	CTCP Xi Măng Hà Tiên 1	381.541.911	20%	100%
33	ITA	CTCP Đầu Tư và Công Nghiệp Tân Tạo	938.321.575	65%	100%
34	KBC	Tổng Cty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc -CTCP	469.760.189	75%	100%
35	KDC	CTCP Tập Đoàn KIDO	205.661.141	60%	100%
36	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền	414.023.353	60%	100%
37	KSB	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương	53.779.882	70%	100%
38	LDG	CTCP Đầu Tư LDG	190.551.914	45%	100%
39	LIX	CTCP Bột Giặt Lix	32.400.000	50%	100%
40	NBB	CTCP Đầu Tư Năm Bẩy Bẩy	97.432.174	45%	100%
41	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	26.165.732	35%	100%
42	NKG	CTCP Thép Nam Kim	181.999.868	65%	100%
43	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	239.136.918	55%	100%

44	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	287.876.029	30%	100%
45	PAC	CTCP Pin Ác Quy Miền Nam	46.471.707	40%	100%
46	PAN	CTCP Tập Đoàn PAN	170.101.141	35%	100%
47	PC1	CTCP Xây Lắp Điện I	132.769.862	60%	100%
48	PDR	CTCP Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt	266.389.007	40%	100%
49	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa	135.499.198	35%	100%
50	PME	CTCP PYMEPHARCO	75.011.625	20%	100%
51	POM	CTCP Thép Pomina	242.212.162	12%	100%
52	PPC	CTCP Nhiệt Điện Phả Lại	320.613.054	25%	100%
53	PTB	CTCP Phú Tài	48.599.441	60%	100%
54	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí	382.850.160	50%	100%
55	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí	281.440.162	45%	100%
56	QCG	CTCP Quốc Cường Gia Lai	275.129.141	35%	100%
57	SAM	CTCP SAM HOLDINGS	249.036.263	100%	100%
58	SCR	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	339.221.486	60%	100%
59	SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn	68.998.620	50%	100%
60	SJS	CTCP Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và KCN Sông Đà	113.897.480	50%	100%
61	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	353.271.564	55%	100%
62	THI	CTCP Thiết bị điện	44.000.000	14%	100%
63	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	850.573.150	55%	100%
64	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	162.949.876	70%	100%
65	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	92.403.943	45%	100%
66	VND	CTCP Chứng khoán Vndirect	208.565.410	70%	100%
67	VPI	CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest	160.000.000	35%	100%
68	VSC	CTCP Container Việt Nam	50.112.304	95%	100%
69	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	206.241.246	50%	100%
70	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1	31.279.968	30%	100%

DANH MỤC CỔ PHIẾU DỰ PHÒNG CỦA CHỈ SỐ VN MIDCAP KỶ THÁNG 1/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)
1	IDI	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I	197.953.420	50%
2	DBD	CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	52.378.915	80%
3	IBC	CTCP Đầu tư Apex Holdings	68.880.000	25%
4	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	109.313.374	55%
5	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	106.589.629	35%
6	DHC	CTCP Đông hải Bến Tre	44.797.526	55%
7	DPG	CTCP Đạt Phương	29.999.962	55%
8	TAC	CTCP Dầu Thực Vật Tường An	33.876.148	11%
9	BSI	CTCP CK NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	110.968.495	25%
10	VNG	CTCP Du Lịch Thành Thành Công	79.190.925	50%

**Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần chỉ số VN100
kỳ tháng 1/2019**

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
1	AAA	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	171.199.976	55%	100%
2	ANV	CTCP Nam Việt (Navico)	127.144.875	25%	100%
3	ASM	CTCP Tập Đoàn Sao Mai	258.869.222	55%	100%
4	AST	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco	36.000.000	20%	100%
5	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền	57.167.993	35%	100%
6	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	117.276.895	15%	100%
7	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	91.354.037	30%	100%
8	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	81.860.938	45%	100%
9	BWE	CTCP Nước - Môi trường Bình Dương	150.000.000	30%	100%
10	CHP	CTCP Thủy Điện Miền Trung	138.598.505	35%	100%
11	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	247.713.403	70%	100%
12	CMG	CTCP Tập Đoàn Công Nghệ CMC	72.055.210	50%	100%
13	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam	103.625.262	50%	100%
14	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	44.200.000	25%	100%
15	CTD	CTCP Xây Dựng Coteccons	76.378.873	55%	100%
16	CTG	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.723.404.556	8%	100%
17	CTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận Idico	62.999.997	85%	100%
18	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	529.400.000	25%	100%
19	DHG	CTCP Dược Hậu Giang	130.746.071	25%	100%
20	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	300.123.747	65%	100%
21	DPM	Tổng Cty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - CTCP	391.334.260	40%	100%
22	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	40.124.790	45%	100%
23	DRC	CTCP Cao Su Đà Nẵng	118.792.605	50%	100%
24	DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	349.821.356	75%	100%
25	EIB	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	1.229.432.904	85%	100%
26	FCN	CTCP Fecon	94.344.562	80%	100%
27	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T	254.730.247	35%	100%
28	FLC	CTCP Tập Đoàn FLC	709.997.807	80%	100%
29	FPT	CTCP FPT	613.554.396	80%	100%
30	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	68.000.000	45%	100%
31	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	1.913.950.000	5%	100%
32	GEX	Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	406.560.000	75%	100%
33	GMD	CTCP GEMADEPT	296.924.957	85%	100%
34	GTN	CTCP GTNFOODS	250.000.000	50%	100%
35	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	927.399.283	65%	100%
36	HBC	CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	196.074.977	75%	100%
37	HCM	CTCP Chứng Khoán TP.HCM	302.293.058	40%	100%
38	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	980.999.771	70%	100%
39	HDG	CTCP Tập Đoàn Hà Đô	94.919.409	55%	100%
40	HNG	CTCP Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	886.843.895	40%	100%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
41	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	2.123.907.166	60%	100%
42	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	384.828.828	60%	100%
43	HT1	CTCP Xi Măng Hà Tiên 1	381.541.911	20%	100%
44	ITA	CTCP Đầu Tư và Công Nghiệp Tân Tạo	938.321.575	65%	100%
45	KBC	Tổng Cty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc -CTCP	469.760.189	75%	100%
46	KDC	CTCP Tập Đoàn KIDO	205.661.141	60%	100%
47	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền	414.023.353	60%	100%
48	KSB	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương	53.779.882	70%	100%
49	LDG	CTCP Đầu Tư LDG	190.551.914	45%	100%
50	LIX	CTCP Bột Giặt Lix	32.400.000	50%	100%
51	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.113.398.401	60%	100%
52	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan	1.163.149.548	40%	100%
53	MWG	CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động	442.938.986	65%	100%
54	NBB	CTCP Đầu Tư Năm Bảy Bảy	97.432.174	45%	100%
55	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	26.165.732	35%	100%
56	NKG	CTCP Thép Nam Kim	181.999.868	65%	100%
57	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	239.136.918	55%	100%
58	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	287.876.029	30%	100%
59	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	930.446.674	35%	100%
60	PAC	CTCP Pin Ác Quy Miền Nam	46.471.707	40%	100%
61	PAN	CTCP Tập Đoàn PAN	170.101.141	35%	100%
62	PC1	CTCP Xây Lắp Điện I	132.769.862	60%	100%
63	PDR	CTCP Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt	266.389.007	40%	100%
64	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa	135.499.198	35%	100%
65	PME	CTCP PYMEPHARCO	75.011.625	20%	100%
66	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	167.002.273	80%	100%
67	POM	CTCP Thép Pomina	242.212.162	12%	100%
68	PPC	CTCP Nhiệt Điện Phả Lại	320.613.054	25%	100%
69	PTB	CTCP Phú Tài	48.599.441	60%	100%
70	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí	382.850.160	50%	100%
71	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí	281.440.162	45%	100%
72	QCG	CTCP Quốc Cường Gia Lai	275.129.141	35%	100%
73	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	310.050.926	55%	100%
74	ROS	CTCP Xây dựng FLC Faros	567.598.121	30%	100%
75	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	641.281.186	11%	100%
76	SAM	CTCP SAM HOLDINGS	249.036.263	100%	100%
77	SBT	CTCP Thành Thành Công- Biên Hòa	525.139.652	50%	100%
78	SCR	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	339.221.486	60%	100%
79	SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn	68.998.620	50%	100%
80	SJS	CTCP Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và KCN Sông Đà	113.897.480	50%	100%
81	SSI	CTCP Chứng Khoán SSI	509.170.288	60%	100%
82	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.803.653.429	95%	100%
83	TCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	3.496.592.160	65%	100%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
84	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	353.271.564	55%	100%
85	THI	CTCP Thiết bị điện	44.000.000	14%	100%
86	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	850.573.150	55%	100%
87	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.708.877.448	8%	100%
88	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	162.949.876	70%	100%
89	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	92.403.943	45%	100%
90	VHM	CTCP Vinhomes	3.349.513.918	25%	100%
91	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP	3.191.621.230	30%	84,41%
92	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	541.611.334	50%	100%
93	VND	CTCP Chứng khoán Vndirect	208.565.410	70%	100%
94	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	1.741.407.855	50%	77,43%
95	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh vượng	2.456.748.366	70%	100%
96	VPI	CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest	160.000.000	35%	100%
97	VRE	CTCP Vincom Retail	2.328.818.410	45%	100%
98	VSC	CTCP Container Việt Nam	50.112.304	95%	100%
99	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	206.241.246	50%	100%
100	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1	31.279.968	30%	100%

**Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần chỉ số
VNSMALL CAP kỳ tháng 1/2019**

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
1	ABT	CTCP XNK Thủy Sản Bến Tre	11.497.257	11%	100%
2	ACL	CTCP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang	22.799.675	25%	100%
3	ADS	CTCP DAMSAN	25.517.801	40%	100%
4	AGM	CTCP Xuất Nhập Khẩu An Giang	18.200.000	20%	100%
5	AGR	CTCP CK NH Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	211.199.953	25%	100%
6	AMD	CTCP Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD	163.504.874	100%	100%
7	APC	CTCP Chiêu Xạ An Phú	11.804.030	45%	100%
8	APG	CTCP Chứng Khoán An Phát	34.028.900	40%	100%
9	ASP	CTCP Tập Đoàn Dầu Khí Anpha	37.339.542	40%	100%
10	BCE	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương	30.000.000	45%	100%
11	BCG	CTCP Bamboo Capital	108.005.760	70%	100%
12	BMC	CTCP Khoáng Sản Bình Định	12.392.630	55%	100%
13	BSI	CTCP CK NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	110.968.495	25%	100%
14	BTP	CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa	60.485.600	20%	100%
15	C32	CTCP Đầu Tư Xây Dựng 3-2	15.030.145	85%	100%
16	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	47.499.885	70%	100%
17	CEE	CTCP Xây dựng hạ tầng CII	39.500.000	40%	100%
18	CLG	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Nhà Đất Cotec	21.150.000	35%	100%
19	CMX	CTCP Camimex Group	13.221.234	50%	100%
20	CNG	CTCP CNG Việt Nam	26.999.673	45%	100%
21	CTF	CTCP City Auto	39.600.000	45%	100%
22	CTS	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	106.399.631	25%	100%
23	CVT	CTCP CMC	36.690.887	80%	100%
24	D2D	CTCP Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	10.654.984	45%	100%
25	DAG	CTCP Tập Đoàn Nhựa Đông Á	51.793.792	55%	100%
26	DAH	CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á	34.200.000	70%	100%
27	DBD	CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	52.378.915	80%	100%
28	DCL	CTCP Dược Phẩm Cửu Long	56.832.824	30%	100%
29	DGW	CTCP Thế Giới Số	40.600.278	45%	100%
30	DHA	CTCP Hóa An	14.726.073	55%	100%
31	DHC	CTCP Đông hải Bến Tre	44.797.526	55%	100%
32	DHM	CTCP TM và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	31.396.180	65%	100%
33	DIC	CTCP Đầu Tư và Thương Mại DIC	26.084.560	85%	100%
34	DLG	CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	299.309.720	80%	100%
35	DPG	CTCP Đạt Phương	29.999.962	55%	100%
36	DQC	CTCP Bóng đèn Điện Quang	27.558.066	45%	100%
37	DRH	CTCP DRH Holdings	60.989.933	95%	100%
38	DSN	CTCP Công Viên Nước Đàm Sen	12.083.009	60%	100%
39	DTA	CTCP Đệ Tam	17.200.000	45%	100%
40	ELC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghệ Điện Tử Viễn thông	50.618.648	45%	100%
41	EMC	CTCP Cơ điện Thủ Đức	15.297.333	40%	100%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
42	EVE	CTCP Everpia Việt Nam	38.047.973	85%	100%
43	EVG	CTCP Đầu tư Everland	60.000.000	45%	100%
44	FCM	CTCP Khoáng sản FECON	41.000.000	40%	100%
45	FMC	CTCP Thực Phẩm Sao Ta	40.200.000	30%	100%
46	FTM	CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân	50.000.000	13%	100%
47	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	109.313.374	55%	100%
48	GDT	CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành	17.053.958	50%	100%
49	GIL	CTCP SXKD XNK Bình Thạnh	19.075.825	70%	100%
50	GMC	CTCP SX TM May Sài Gòn	15.506.360	45%	100%
51	GSP	CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	30.000.000	30%	100%
52	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	48.209.698	65%	100%
53	HAP	CTCP Tập Đoàn Hapaco	55.471.151	85%	100%
54	HAR	CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền	101.350.100	70%	100%
55	HAS	CTCP Hacisco	7.800.000	60%	100%
56	HAX	CTCP Dịch Vụ Ôtô Hàng Xanh	34.879.129	60%	100%
57	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	27.000.000	85%	100%
58	HDC	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	49.954.487	85%	100%
59	HHS	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Hoàng Huy	249.744.063	55%	100%
60	HII	CTCP An Tiến Industries	27.850.000	50%	100%
61	HMC	CTCP Kim Khí TPHCM - VNSTEEL	21.000.000	35%	100%
62	HOT	CTCP Du Lịch Dịch Vụ Hội An	7.999.937	25%	100%
63	HQC	CTCP TV-TM-DV Địa Ốc Hoàng Quân	476.599.274	85%	100%
64	HSL	CTCP Chế biến nông sản Hồng Hà Sơn La	15.749.956	70%	100%
65	HTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Idico	24.949.200	40%	100%
66	HTT	CTCP Thương mại Hà Tây	20.000.000	100%	100%
67	HU3	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng HUD3	9.999.944	40%	100%
68	IBC	CTCP Đầu tư Apax Holdings	68.880.000	25%	100%
69	IDI	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I	197.953.420	50%	100%
70	IJC	CTCP Phát Triển Hạ Tầng kỹ Thuật	137.097.323	20%	100%
71	ITC	CTCP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà	68.646.328	50%	100%
72	ITD	CTCP Công Nghệ Tiên Phong	18.992.610	70%	100%
73	JVC	CTCP Thiết Bị Y Tế Việt Nhật	112.500.171	95%	100%
74	KHP	CTCP Điện Lực Khánh Hòa	40.051.296	50%	100%
75	KMR	CTCP Mirae	56.877.807	55%	100%
76	KPF	CTCP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh	17.160.000	25%	100%
77	LCG	CTCP Licogi 16	97.999.662	90%	100%
78	LGL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Long Giang	49.997.100	50%	100%
79	LHG	CTCP Long Hậu	50.012.010	50%	100%
80	LM8	CTCP Lilama 18	9.388.682	40%	100%
81	LSS	CTCP Mía Đường Lam Sơn	66.994.950	50%	100%
82	MHC	CTCP MHC	37.643.776	80%	100%
83	NAF	CTCP Nafoods Group	36.299.720	65%	100%
84	NNC	CTCP Đá Núi Nhỏ	21.920.000	45%	100%
85	NTL	CTCP Phát Triển Đô Thị Từ Liêm	60.989.950	50%	100%
86	NVT	CTCP Bất Động Sản Du Lịch Ninh Vân Bay	90.500.000	95%	100%
87	PET	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí	85.009.814	70%	100%
88	PGC	Tổng Cty Gas Petrolimex-CTCP	60.339.285	30%	100%
89	PLP	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	16.500.000	50%	100%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
90	PMG	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	37.949.847	45%	100%
91	PXS	CTCP Kết Cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu Khí	59.999.998	40%	100%
92	QBS	CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình	69.329.928	80%	100%
93	RAL	CTCP Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông	11.500.000	35%	100%
94	RDP	CTCP Nhựa Rạng Đông	33.942.862	40%	100%
95	SAV	CTCP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex	12.884.116	40%	100%
96	SBA	CTCP Sông Ba	60.288.271	60%	100%
97	SBV	CTCP Siam Brothers Việt Nam	27.306.476	30%	100%
98	SCD	CTCP Nước Giải Khát Chương Dương	8.477.640	35%	100%
99	SFG	CTCP Phân bón Miền Nam	47.897.333	30%	100%
100	SGR	CTCP Địa ốc Sài Gòn	45.539.907	20%	100%
101	SHA	CTCP Sơn Hà Sài Gòn	27.579.200	80%	100%
102	SHI	CTCP Quốc Tế Sơn Hà	85.068.477	50%	100%
103	SJF	CTCP Đầu tư Sao Thái Dương	79.200.000	70%	100%
104	SKG	CTCP Tàu Cao Tốc Superdong - Kiên Giang	57.574.956	65%	100%
105	SMC	CTCP Đầu Tư Thương Mại SMC	54.998.360	40%	100%
106	SRC	CTCP Cao Su Sao Vàng	28.063.368	45%	100%
107	SRF	CTCP Kỹ Nghệ Lạnh	30.715.397	25%	100%
108	ST8	CTCP Siêu Thanh	25.720.902	20%	100%
109	STK	CTCP Sợi Thê Kỹ	70.127.224	50%	100%
110	SVC	CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn	24.975.507	60%	100%
111	TAC	CTCP Dầu Thực Vật Tường An	33.876.148	11%	100%
112	TCD	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	38.230.192	35%	100%
113	TCM	CTCP Dệt May Đầu Tư Thương Mại Thành Công	54.129.605	60%	100%
114	TCT	CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	12.788.000	35%	100%
115	TDC	CTCP KD VÀ PT Bình Dương	100.000.000	40%	100%
116	TDG	CTCP Dầu khí Thái Dương	16.770.000	95%	100%
117	TDH	CTCP Phát Triển Nhà Thủ Đức	81.634.927	90%	100%
118	TEG	CTCP BĐS và Xây dựng Trường Thành	29.439.856	45%	100%
119	TGG	CTCP Xây dựng và Đầu tư Trường Giang	27.299.990	55%	100%
120	THG	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang	13.199.769	80%	100%
121	TLD	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	18.719.788	70%	100%
122	TLH	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	100.650.621	60%	100%
123	TMT	CTCP Ôtô TMT	36.877.980	25%	100%
124	TNA	CTCP TM XNK Thiên Nam	29.782.342	45%	100%
125	TNI	CTCP Tập đoàn Thành Nam	52.500.000	85%	100%
126	TNT	CTCP Tài Nguyên	25.500.000	95%	100%
127	TRC	CTCP Cao Su Tây Ninh	29.125.000	40%	100%
128	TS4	CTCP Thủy Sản Số 4	16.051.594	30%	100%
129	TTF	CTCP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	214.607.376	85%	100%
130	TVB	CTCP Chứng khoán Trí Việt	24.287.340	25%	100%
131	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	63.502.375	60%	100%
132	TVT	Tổng Công ty Việt Thăng - CTCP	21.000.000	40%	100%
133	TYA	CTCP Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam	30.679.646	20%	100%
134	UDC	CTCP Xây Dựng và Phát Triển Đô Thị Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	34.706.000	35%	100%
135	UIC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Nhà và Đô Thị Idico	8.000.000	50%	100%
136	VDP	CTCP Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA	12.762.504	55%	100%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
137	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	100.099.906	35%	100%
138	VFG	CTCP Khử Trùng Việt Nam	31.611.461	50%	100%
139	VID	CTCP Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Viễn Đông	28.073.939	60%	100%
140	VIP	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco	65.470.941	40%	100%
141	VNE	Tổng CTCP Xây Dựng Điện Việt Nam	81.934.033	90%	100%
142	VNG	CTCP Du Lịch Thành Thành Công	79.190.925	50%	100%
143	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam	67.859.192	40%	100%
144	VOS	CTCP Vận Tải Biển Việt Nam	140.000.000	40%	100%
145	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	106.589.629	35%	100%
146	VPG	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	22.999.993	40%	100%
147	VPH	CTCP Vạn Phát Hưng	86.103.449	65%	100%
148	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC	50.000.000	100%	100%
149	VSI	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước	13.199.997	30%	100%
150	VTO	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco	78.866.666	45%	100%

Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần
Bộ chỉ số ngành VNSector Indices kỳ tháng 1/2019

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty
VNEnergy (VNAllshare Năng lượng)		
1	ASP	CTCP Tập Đoàn Dầu Khí Anpha
2	CNG	CTCP CNG Việt Nam
3	GSP	CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế
4	PGC	Tổng Cty Gas Petrolimex-CTCP
5	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí
6	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí
7	PXS	CTCP Kết Cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu Khí
VNMaterials (VNAllshare Nguyên vật liệu)		
1	AAA	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
2	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền
3	BMC	CTCP Khoáng Sản Bình Định
4	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam
5	CTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận Idico
6	CVT	CTCP CMC
7	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
8	DHA	CTCP Hóa An
9	DHC	CTCP Đông hải Bến Tre
10	DHM	CTCP TM và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu
11	DIC	CTCP Đầu Tư và Thương Mại DIC
12	DPM	Tổng Cty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí -CTCP
13	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú
14	FCM	CTCP Khoáng sản FECON
15	HAP	CTCP Tập Đoàn Hapaco
16	HII	CTCP An Tiến Industries
17	HMC	CTCP Kim Khí TPHCM - VNSTEEL
18	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát
19	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen
20	HT1	CTCP Xi Măng Hà Tiên 1
21	KPF	CTCP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh
22	KSB	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
23	NKG	CTCP Thép Nam Kim
24	NNC	CTCP Đá Núi Nhỏ
25	PLP	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
26	POM	CTCP Thép Pomina
27	PTB	CTCP Phú Tài
28	QBS	CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
29	RDP	CTCP Nhựa Rạng Đông
30	SFG	CTCP Phân bón Miền Nam
31	SMC	CTCP Đầu Tư Thương Mại SMC
32	TLD	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long
33	TLH	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên
34	TNT	CTCP Tài Nguyên
35	TRC	CTCP Cao Su Tây Ninh
36	VFG	CTCP Khử Trùng Việt Nam
37	VID	CTCP Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Viễn Đông
VNIndustrials (VNAllshare Công nghiệp)		

Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần
Bộ chỉ số ngành VNSector Indices kỳ tháng 1/2019

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty
1	AMD	CTCP Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD
2	APC	CTCP Chiêu Xạ An Phú
3	BCE	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương
4	BCG	CTCP Bamboo Capital
5	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh
6	C32	CTCP Đầu Tư Xây Dựng 3-2
7	CEE	CTCP Xây dựng hạ tầng CII
8	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM
9	CTD	CTCP Xây Dựng Coteccons
10	DAG	CTCP Tập Đoàn Nhựa Đông Á
11	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng
12	DLG	CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai
13	DPG	CTCP Đạt Phương
14	DQC	CTCP Bóng đèn Điện Quang
15	EMC	CTCP Cơ điện Thủ Đức
16	EVG	CTCP Đầu tư Everland
17	FCN	CTCP Fecon
18	GEX	Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam
19	GMD	CTCP GEMADEPT
20	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
21	HAS	CTCP Hacisco
22	HBC	CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình
23	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD
24	HDG	CTCP Tập Đoàn Hà Đô
25	HHS	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Hoàng Huy
26	HTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Idico
27	HU3	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng HUD3
28	IJC	CTCP Phát Triển Hạ Tầng kỹ Thuật
29	ITA	CTCP Đầu Tư và Công Nghiệp Tân Tạo
30	ITD	CTCP Công Nghệ Tiên Phong
31	LCG	CTCP Licogi 16
32	LGL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Long Giang
33	LM8	CTCP Lilama 18
34	MHC	CTCP MHC
35	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài
36	PC1	CTCP Xây Lắp Điện I
37	PET	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí
38	RAL	CTCP Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông
39	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh
40	ROS	CTCP Xây dựng FLC Faros
41	SAM	CTCP SAM HOLDINGS
42	SHA	CTCP Sơn Hà Sài Gòn
43	SHI	CTCP Quốc Tế Sơn Hà
44	SKG	CTCP Tàu Cao Tốc Superdong - Kiên Giang
45	SRF	CTCP Kỹ Nghệ Lạnh
46	ST8	CTCP Siêu Thanh
47	TCD	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải

Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần
Bộ chỉ số ngành VNSector Indices kỳ tháng 1/2019

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty
48	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
49	TGG	CTCP Xây dựng và Đầu tư Trường Giang
50	THG	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang
51	THI	CTCP Thiết bị điện
52	TNA	CTCP TM XNK Thiên Nam
53	TYA	CTCP Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam
54	UDC	CTCP Xây Dựng và Phát Triển Đô Thị Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
55	VIP	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco
56	VJC	CTCP Hàng không Vietjet
57	VNE	Tổng CTCP Xây Dựng Điện Việt Nam
58	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam
59	VOS	CTCP Vận Tải Biển Việt Nam
60	VPG	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
61	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC
62	VSC	CTCP Container Việt Nam
63	VSI	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước
64	VTO	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco
VNConsumer Disc (VNAllshare Hàng tiêu dùng)		
1	ADS	CTCP DAMSAN
2	AST	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco
3	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
4	CTF	CTCP City Auto
5	DAH	CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á
6	DRC	CTCP Cao Su Đà Nẵng
7	DSN	CTCP Công Viên Nước Đầm Sen
8	EVE	CTCP Everpia Việt Nam
9	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT
10	FTM	CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
11	GDT	CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành
12	GIL	CTCP SXKD XNK Bình Thạnh
13	GMC	CTCP SX TM May Sài Gòn
14	HAX	CTCP Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh
15	HOT	CTCP Du Lịch Dịch Vụ Hội An
16	IBC	CTCP Đầu tư Apax Holdings
17	KMR	CTCP Mirae
18	MWG	CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động
19	PAC	CTCP Pin Ấc Quy Miền Nam
20	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa
21	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
22	SAV	CTCP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex
23	SBV	CTCP Siam Brothers Việt Nam
24	SRC	CTCP Cao Su Sao Vàng
25	STK	CTCP Sợi Thê Kỹ
26	SVC	CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn
27	TCM	CTCP Dệt May Đầu Tư Thương Mại Thành Công
28	TCT	CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh
29	TMT	CTCP Ô tô TMT

Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần
Bộ chỉ số ngành VNSector Indices kỳ tháng 1/2019

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty
30	TTF	CTCP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành
31	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
32	VNG	CTCP Du Lịch Thành Thành Công
VNConsumer Staples (VNAllshare Hàng tiêu dùng thiết yếu)		
1	ABT	CTCP XNK Thủy Sản Bến Tre
2	ACL	CTCP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang
3	AGM	CTCP Xuất Nhập Khẩu An Giang
4	ANV	CTCP Nam Việt (Navico)
5	CMX	CTCP Camimex Group
6	FMC	CTCP Thực Phẩm Sao Ta
7	GTN	CTCP GTNFOODS
8	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai
9	HNG	CTCP Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
10	IDI	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I
11	KDC	CTCP Tập Đoàn KIDO
12	LIX	CTCP Bột Giặt Lix
13	LSS	CTCP Mía Đường Lam Sơn
14	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan
15	NAF	CTCP Nafoods Group
16	PAN	CTCP Tập Đoàn PAN
17	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
18	SBT	CTCP Thành Thành Công- Biên Hòa
19	SCD	CTCP Nước Giải Khát Chương Dương
20	SJF	CTCP Đầu tư Sao Thái Dương
21	TAC	CTCP Dầu Thực Vật Tường An
22	TS4	CTCP Thủy Sản Số 4
23	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn
24	VNM	CTCP Sữa Việt Nam
VNHealth Care (VNAllshare Chăm sóc sức khỏe)		
1	DBD	CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
2	DCL	CTCP Dược Phẩm Cửu Long
3	DHG	CTCP Dược Hậu Giang
4	JVC	CTCP Thiết Bị Y Tế Việt Nhật
5	PME	CTCP PYMEPHARCO
6	VDP	CTCP Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA
VNFinancials (VNAllshare Tài chính)		
1	AGR	CTCP CK NH Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam
2	APG	CTCP Chứng Khoán An Phát
3	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
4	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh
5	BSI	CTCP CK NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
6	CTG	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam
7	CTS	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
8	EIB	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam
9	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T
10	FTS	CTCP Chứng khoán FPT
11	HCM	CTCP Chứng Khoán TPHCM

Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần
Bộ chỉ số ngành VNSector Indices kỳ tháng 1/2019

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty
12	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
13	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội
14	SSI	CTCP Chứng Khoán SSI
15	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
16	TCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam
17	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
18	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt
19	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
20	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt
21	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt
22	VND	CTCP Chứng khoán Vndirect
23	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh vượng
VNTechnology (VNAllshare Công nghệ thông tin)		
1	CMG	CTCP Tập Đoàn Công Nghệ CMC
2	DGW	CTCP Thế Giới Số
3	ELC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghệ Điện Tử Viễn thông
4	FPT	CTCP FPT
VNUtilities (VNAllshare Dịch vụ tiện ích)		
1	BTP	CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa
2	BWE	CTCP Nước - Môi trường Bình Dương
3	CHP	CTCP Thủy Điện Miền Trung
4	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP
5	KHP	CTCP Điện Lực Khánh Hòa
6	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
7	PPC	CTCP Nhiệt Điện Phả Lại
8	SBA	CTCP Sông Ba
9	SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn
10	UIC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Nhà và Đô Thị Idico
11	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam
12	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hinh
VNReal Estate (VNAllshare Bất động sản)		
1	ASM	CTCP Tập Đoàn Sao Mai
2	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long
3	CLG	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Nhà Đất Cotec
4	D2D	CTCP Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2
5	DRH	CTCP DRH Holdings
6	DTA	CTCP Đệ Tam
7	DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh
8	FLC	CTCP Tập Đoàn FLC
9	HAR	CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền
10	HDC	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu
11	HQC	CTCP TV-TM-DV Địa Ốc Hoàng Quân
12	HTT	CTCP Thương mại Hà Tây
13	ITC	CTCP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà
14	KBC	Tổng Cty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc -CTCP
15	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền
16	LDG	CTCP Đầu Tư LDG

Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần
Bộ chỉ số ngành VNSector Indices kỳ tháng 1/2019

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty
17	LHG	CTCP Long Hậu
18	NBB	CTCP Đầu Tư Năm Bảy Bảy
19	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long
20	NTL	CTCP Phát Triển Đô Thị Từ Liêm
21	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va
22	NVT	CTCP Bất Động Sản Du Lịch Ninh Vân Bay
23	PDR	CTCP Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt
24	QCG	CTCP Quốc Cường Gia Lai
25	SCR	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
26	SGR	CTCP Địa ốc Sài Gòn
27	SJS	CTCP Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và KCN Sông Đà
28	TDC	CTCP KD VÀ PT Bình Dương
29	TDH	CTCP Phát Triển Nhà Thủ Đức
30	TEG	CTCP BĐS và Xây dựng Trường Thành
31	VHM	CTCP Vinhomes
32	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP
33	VPH	CTCP Vạn Phát Hưng
34	VPI	CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest
35	VRE	CTCP Vincom Retail
(*) Cổ phiếu chưa có chỉ số		
1	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1
(*) Cổ phiếu chưa được phân ngành		
1	HSL	CTCP Chế biến nông sản Hồng Hà Sơn La
2	PMG	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
3	TDG	CTCP Dầu khí Thái Dương
4	TNI	CTCP Tập đoàn Thành Nam
5	TVB	CTCP Chứng khoán Trí Việt

**Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần chỉ số
Phát triển bền vững kỳ tháng 7/2018**

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
1	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	81.860.938	45%	100%
2	CTD	CTCP Xây Dựng Coteccons	76.378.873	55%	100%
3	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	529.400.000	25%	100%
4	DHG	CTCP Dược Hậu Giang	130.746.071	25%	100%
5	DPM	Tổng Cty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí -CTCP	391.334.260	40%	100%
6	FPT	CTCP FPT	613.554.396	80%	72,27%
7	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	1.913.950.000	5%	100%
8	HCM	CTCP Chứng Khoán TPHCM	302.293.058	40%	100%
9	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	384.828.828	60%	100%
10	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.113.398.401	60%	61,57%
11	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	287.876.029	30%	100%
12	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	930.446.674	35%	93,76%
13	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	167.002.273	80%	100%
14	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí	382.850.160	50%	100%
15	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	310.050.926	55%	100%
16	SBT	CTCP Thành Thành Công- Biên Hòa	525.139.652	50%	100%
17	SSI	CTCP Chứng Khoán SSI	509.170.288	60%	100%
18	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.803.653.429	95%	82,47%
19	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP	3.191.621.230	30%	15,77%
20	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	1.741.407.855	50%	14,47%

**DANH MỤC CỔ PHIẾU DỰ PHÒNG CỦA CHỈ SỐ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KỶ THÁNG 7/2018**

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)
1	HBC	CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	196.074.977	75%
2	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam	103.625.262	50%
3	AAA	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	171.199.976	55%
4	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	300.123.747	65%
5	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	92.403.943	45%
6	LIX	CTCP Bột Giặt Lix	32.400.000	50%

**Cập nhật thông tin cổ phiếu thành phần chỉ số VNALLSHARE kỳ tháng
1/2019**

Hiệu lực từ 06/05/2019 đến 02/08/2019

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
1	AAA	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	171.199.976	55%	100%
2	ABT	CTCP XNK Thủy Sản Bến Tre	11.497.257	11%	100%
3	ACL	CTCP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang	22.799.675	25%	100%
4	ADS	CTCP DAMSAN	25.517.801	40%	100%
5	AGM	CTCP Xuất Nhập Khẩu An Giang	18.200.000	20%	100%
6	AGR	CTCP CK NH Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	211.199.953	25%	100%
7	AMD	CTCP Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD	163.504.874	100%	100%
8	ANV	CTCP Nam Việt (Navico)	127.144.875	25%	100%
9	APC	CTCP Chiếu Xạ An Phú	11.804.030	45%	100%
10	APG	CTCP Chứng Khoán An Phát	34.028.900	40%	100%
11	ASM	CTCP Tập Đoàn Sao Mai	258.869.222	55%	100%
12	ASP	CTCP Tập Đoàn Dầu Khí Anpha	37.339.542	40%	100%
13	AST	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco	36.000.000	20%	100%
14	BCE	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương	30.000.000	45%	100%
15	BCG	CTCP Bamboo Capital	108.005.760	70%	100%
16	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền	57.167.993	35%	100%
17	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	117.276.895	15%	100%
18	BMC	CTCP Khoáng Sản Bình Định	12.392.630	55%	100%
19	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	91.354.037	30%	100%
20	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	81.860.938	45%	100%
21	BSI	CTCP CK NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	110.968.495	25%	100%
22	BTP	CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa	60.485.600	20%	100%
23	BWE	CTCP Nước - Môi trường Bình Dương	150.000.000	30%	100%
24	C32	CTCP Đầu Tư Xây Dựng 3-2	15.030.145	85%	100%
25	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	47.499.885	70%	100%
26	CEE	CTCP Xây dựng hạ tầng CII	39.500.000	40%	100%
27	CHP	CTCP Thủy Điện Miền Trung	138.598.505	35%	100%
28	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	247.713.403	70%	100%
29	CLG	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Nhà Đất Cotec	21.150.000	35%	100%
30	CMG	CTCP Tập Đoàn Công Nghệ CMC	72.055.210	50%	100%
31	CMX	CTCP Camimex Group	13.221.234	50%	100%
32	CNG	CTCP CNG Việt Nam	26.999.673	45%	100%
33	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam	103.625.262	50%	100%
34	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	44.200.000	25%	100%
35	CTD	CTCP Xây Dựng Cotecons	76.378.873	55%	100%
36	CTF	CTCP City Auto	39.600.000	45%	100%
37	CTG	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.723.404.556	8%	100%
38	CTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận Idico	62.999.997	85%	100%
39	CTS	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	106.399.631	25%	100%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
40	CVT	CTCP CMC	36.690.887	80%	100%
41	D2D	CTCP Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	10.654.984	45%	100%
42	DAG	CTCP Tập Đoàn Nhựa Đông Á	51.793.792	55%	100%
43	DAH	CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á	34.200.000	70%	100%
44	DBD	CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	52.378.915	80%	100%
45	DCL	CTCP Dược Phẩm Cửu Long	56.832.824	30%	100%
46	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	529.400.000	25%	100%
47	DGW	CTCP Thế Giới Số	40.600.278	45%	100%
48	DHA	CTCP Hóa An	14.726.073	55%	100%
49	DHC	CTCP Đông hải Bến Tre	44.797.526	55%	100%
50	DHG	CTCP Dược Hậu Giang	130.746.071	25%	100%
51	DHM	CTCP TM và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	31.396.180	65%	100%
52	DIC	CTCP Đầu Tư và Thương Mại DIC	26.084.560	85%	100%
53	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	300.123.747	65%	100%
54	DLG	CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	299.309.720	80%	100%
55	DPG	CTCP Đạt Phương	29.999.962	55%	100%
56	DPM	Tổng Cty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - CTCP	391.334.260	40%	100%
57	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	40.124.790	45%	100%
58	DQC	CTCP Bóng đèn Điện Quang	27.558.066	45%	100%
59	DRC	CTCP Cao Su Đà Nẵng	118.792.605	50%	100%
60	DRH	CTCP DRH Holdings	60.989.933	95%	100%
61	DSN	CTCP Công Viên Nước Đầm Sen	12.083.009	60%	100%
62	DTA	CTCP Đệ Tam	17.200.000	45%	100%
63	DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	349.821.356	75%	100%
64	EIB	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	1.229.432.904	85%	100%
65	ELC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghệ Điện Tử Viễn thông	50.618.648	45%	100%
66	EMC	CTCP Cơ điện Thủ Đức	15.297.333	40%	100%
67	EVE	CTCP Everpia Việt Nam	38.047.973,00	85%	100%
68	EVG	CTCP Đầu tư Everland	60.000.000,00	45%	100%
69	FCM	CTCP Khoáng sản FECON	41.000.000,00	40%	100%
70	FCN	CTCP Fecon	94.344.562,00	80%	100%
71	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T	254.730.247	35%	100%
72	FLC	CTCP Tập Đoàn FLC	709.997.807	80%	100%
73	FMC	CTCP Thực Phẩm Sao Ta	40.200.000	30%	100%
74	FPT	CTCP FPT	613.554.396	80%	100%
75	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	68.000.000	45%	100%
76	FTM	CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân	50.000.000	13%	100%
77	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	109.313.374	55%	100%
78	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	1.913.950.000	5%	100%
79	GDT	CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành	17.053.958	50%	100%
80	GEX	Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	406.560.000	75%	100%
81	GIL	CTCP SXKD XNK Bình Thạnh	19.075.825	70%	100%
82	GMC	CTCP SX TM May Sài Gòn	15.506.360	45%	100%
83	GMD	CTCP GEMADEPT	296.924.957	85%	100%
84	GSP	CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	30.000.000	30%	100%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
85	GTN	CTCP GTNFOODS	250.000.000	50%	100%
86	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	927.399.283	65%	100%
87	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	48.209.698	65%	100%
88	HAP	CTCP Tập Đoàn Hapaco	55.471.151	85%	100%
89	HAR	CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền	101.350.100	70%	100%
90	HAS	CTCP Hacisco	7.800.000	60%	100%
91	HAX	CTCP Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh	34.879.129	60%	100%
92	HBC	CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	196.074.977	75%	100%
93	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	27.000.000	85%	100%
94	HCM	CTCP Chứng Khoán TP HCM	302.293.058	40%	100%
95	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	980.999.771	70%	100%
96	HDC	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	49.954.487	85%	100%
97	HDG	CTCP Tập Đoàn Hà Đô	94.919.409	55%	100%
98	HHS	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Hoàng Huy	249.744.063	55%	100%
99	HII	CTCP An Tiến Industries	27.850.000	50%	100%
100	HMC	CTCP Kim Khí TP HCM - VNSTEEL	21.000.000	35%	100%
101	HNG	CTCP Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	886.843.895	40%	100%
102	HOT	CTCP Du Lịch Dịch Vụ Hội An	7.999.937	25%	100%
103	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	2.123.907.166	60%	100%
104	HQC	CTCP TV-TM-DV Địa Ốc Hoàng Quân	476.599.274	85%	100%
105	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	384.828.828	60%	100%
106	HSL	CTCP Chế biến nông sản Hồng Hà Sơn La	15.749.956	70%	100%
107	HT1	CTCP Xi Măng Hà Tiên 1	381.541.911	20%	100%
108	HTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Idico	24.949.200	40%	100%
109	HTT	CTCP Thương mại Hà Tây	20.000.000	100%	100%
110	HU3	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng HUD3	9.999.944	40%	100%
111	IBC	CTCP Đầu tư Apax Holdings	68.880.000	25%	100%
112	IDI	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I	197.953.420	50%	100%
113	IJC	CTCP Phát Triển Hạ Tầng kỹ Thuật	137.097.323	20%	100%
114	ITA	CTCP Đầu Tư và Công Nghiệp Tân Tạo	938.321.575	65%	100%
115	ITC	CTCP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà	68.646.328	50%	100%
116	ITD	CTCP Công Nghệ Tiên Phong	18.992.610	70%	100%
117	JVC	CTCP Thiết Bị Y Tế Việt Nhật	112.500.171	95%	100%
118	KBC	Tổng Cty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc -CTCP	469.760.189	75%	100%
119	KDC	CTCP Tập Đoàn KIDO	205.661.141	60%	100%
120	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền	414.023.353	60%	100%
121	KHP	CTCP Điện Lực Khánh Hòa	40.051.296	50%	100%
122	KMR	CTCP Mirae	56.877.807	55%	100%
123	KPF	CTCP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh	17.160.000	25%	100%
124	KSB	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương	53.779.882	70%	100%
125	LCG	CTCP Licogi 16	97.999.662	90%	100%
126	LDG	CTCP Đầu Tư LDG	190.551.914	45%	100%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
127	LGL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Long Giang	49.997.100	50%	100%
128	LHG	CTCP Long Hậu	50.012.010	50%	100%
129	LIX	CTCP Bột Giặt Lix	32.400.000	50%	100%
130	LM8	CTCP Lilama 18	9.388.682	40%	100%
131	LSS	CTCP Mía Đường Lam Sơn	66.994.950	50%	100%
132	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.113.398.401	60%	100%
133	MHC	CTCP MHC	37.643.776	80%	100%
134	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan	1.163.149.548	40%	100%
135	MWG	CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động	442.938.986	65%	100%
136	NAF	CTCP Nafoods Group	36.299.720	65%	100%
137	NBB	CTCP Đầu Tư Năm Bẩy Bẩy	97.432.174	45%	100%
138	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	26.165.732	35%	100%
139	NKG	CTCP Thép Nam Kim	181.999.868	65%	100%
140	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	239.136.918	55%	100%
141	NNC	CTCP Đá Núi Nhỏ	21.920.000	45%	100%
142	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	287.876.029	30%	100%
143	NTL	CTCP Phát Triển Đô Thị Từ Liêm	60.989.950	50%	100%
144	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	930.446.674	35%	100%
145	NVT	CTCP Bất Động Sản Du Lịch Ninh Vân Bay	90.500.000	95%	100%
146	PAC	CTCP Pin Ác Quy Miền Nam	46.471.707	40%	100%
147	PAN	CTCP Tập Đoàn PAN	170.101.141	35%	100%
148	PC1	CTCP Xây Lắp Điện I	132.769.862	60%	100%
149	PDR	CTCP Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt	266.389.007	40%	100%
150	PET	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí	85.009.814	70%	100%
151	PGC	Tổng Cty Gas Petrolimex-CTCP	60.339.285	30%	100%
152	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa	135.499.198	35%	100%
153	PLP	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	16.500.000	50%	100%
154	PME	CTCP PYMEPHARCO	75.011.625	20%	100%
155	PMG	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	37.949.847	45%	100%
156	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	167.002.273	80%	100%
157	POM	CTCP Thép Pomina	242.212.162	12%	100%
158	PPC	CTCP Nhiệt Điện Phả Lại	320.613.054	25%	100%
159	PTB	CTCP Phú Tài	48.599.441	60%	100%
160	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí	382.850.160	50%	100%
161	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí	281.440.162	45%	100%
162	PXS	CTCP Kết Cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu Khí	59.999.998	40%	100%
163	QBS	CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình	69.329.928	80%	100%
164	QCG	CTCP Quốc Cường Gia Lai	275.129.141	35%	100%
165	RAL	CTCP Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông	11.500.000	35%	100%
166	RDP	CTCP Nhựa Rạng Đông	33.942.862	40%	100%
167	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	310.050.926	55%	100%
168	ROS	CTCP Xây dựng FLC Faros	567.598.121	30%	100%
169	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	641.281.186	11%	100%
170	SAM	CTCP SAM HOLDINGS	249.036.263	100%	100%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
171	SAV	CTCP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex	12.884.116	40%	100%
172	SBA	CTCP Sông Ba	60.288.271	60%	100%
173	SBT	CTCP Thành Thành Công- Biên Hòa	525.139.652	50%	100%
174	SBV	CTCP Siam Brothers Việt Nam	27.306.476	30%	100%
175	SCD	CTCP Nước Giải Khát Chương Dương	8.477.640	35%	100%
176	SCR	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	339.221.486	60%	100%
177	SFG	CTCP Phân bón Miền Nam	47.897.333	30%	100%
178	SGR	CTCP Địa ốc Sài Gòn	45.539.907	20%	100%
179	SHA	CTCP Sơn Hà Sài Gòn	27.579.200	80%	100%
180	SHI	CTCP Quốc Tế Sơn Hà	85.068.477	50%	100%
181	SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn	68.998.620	50%	100%
182	SJF	CTCP Đầu tư Sao Thái Dương	79.200.000	70%	100%
183	SJS	CTCP Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và KCN Sông Đà	113.897.480	50%	100%
184	SKG	CTCP Tàu Cao Tốc Superdong - Kiên Giang	57.574.956	65%	100%
185	SMC	CTCP Đầu Tư Thương Mại SMC	54.998.360	40%	100%
186	SRC	CTCP Cao Su Sao Vàng	28.063.368	45%	100%
187	SRF	CTCP Kỹ Nghệ Lạnh	30.715.397	25%	100%
188	SSI	CTCP Chứng Khoán SSI	509.170.288	60%	100%
189	ST8	CTCP Siêu Thanh	25.720.902	20%	100%
190	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.803.653.429	95%	100%
191	STK	CTCP Sợi Thế Kỷ	70.127.224	50%	100%
192	SVC	CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn	24.975.507	60%	100%
193	TAC	CTCP Dầu Thực Vật Tường An	33.876.148	11%	100%
194	TCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	3.496.592.160	65%	100%
195	TCD	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	38.230.192	35%	100%
196	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	353.271.564	55%	100%
197	TCM	CTCP Dệt May Đầu Tư Thương Mại Thành Công	54.129.605	60%	100%
198	TCT	CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	12.788.000	35%	100%
199	TDC	CTCP KD VÀ PT Bình Dương	100.000.000	40%	100%
200	TDG	CTCP Dầu khí Thái Dương	16.770.000	95%	100%
201	TDH	CTCP Phát Triển Nhà Thủ Đức	81.634.927	90%	100%
202	TEG	CTCP BĐS và Xây dựng Trường Thành	29.439.856	45%	100%
203	TGG	CTCP Xây dựng và Đầu tư Trường Giang	27.299.990	55%	100%
204	THG	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang	13.199.769	80%	100%
205	THI	CTCP Thiết bị điện	44.000.000	14%	100%
206	TLD	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	18.719.788	70%	100%
207	TLH	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	100.650.621	60%	100%
208	TMT	CTCP Ôtô TMT	36.877.980	25%	100%
209	TNA	CTCP TM XNK Thiên Nam	29.782.342	45%	100%
210	TNI	CTCP Tập đoàn Thành Nam	52.500.000	85%	100%
211	TNT	CTCP Tài Nguyên	25.500.000	95%	100%
212	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	850.573.150	55%	100%
213	TRC	CTCP Cao Su Tây Ninh	29.125.000	40%	100%

Stt	Cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
214	TS4	CTCP Thủy Sản Số 4	16.051.594	30%	100%
215	TTF	CTCP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	214.607.376	85%	100%
216	TVB	CTCP Chứng khoán Trí Việt	24.287.340	25%	100%
217	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	63.502.375	60%	100%
218	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	21.000.000	40%	100%
219	TYA	CTCP Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam	30.679.646	20%	100%
220	UDC	CTCP Xây Dựng và Phát Triển Đô Thị Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	34.706.000	35%	100%
221	UIC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Nhà và Đô Thị	8.000.000	50%	100%
222	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.708.877.448	8%	100%
223	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	162.949.876	70%	100%
224	VDP	CTCP Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA	12.762.504	55%	100%
225	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	100.099.906	35%	100%
226	VFG	CTCP Khử Trùng Việt Nam	31.611.461	50%	100%
227	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	92.403.943	45%	100%
228	VHM	CTCP Vinhomes	3.349.513.918	25%	100%
229	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP	3.191.621.230	30%	89,85%
230	VID	CTCP Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Viễn Đông	28.073.939	60%	100%
231	VIP	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco	65.470.941	40%	100%
232	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	541.611.334	50%	100%
233	VND	CTCP Chứng khoán Vndirect	208.565.410	70%	100%
234	VNE	Tổng CTCP Xây Dựng Điện Việt Nam	81.934.033	90%	100%
235	VNG	CTCP Du Lịch Thành Thành Công	79.190.925	50%	100%
236	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	1.741.407.855	50%	82,42%
237	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam	67.859.192	40%	100%
238	VOS	CTCP Vận Tải Biển Việt Nam	140.000.000	40%	100%
239	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh vượng	2.456.748.366	70%	100%
240	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	106.589.629	35%	100%
241	VPG	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	22.999.993	40%	100%
242	VPH	CTCP Vạn Phát Hưng	86.103.449	65%	100%
243	VPI	CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest	160.000.000	35%	100%
244	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC	50.000.000	100%	100%
245	VRE	CTCP Vincom Retail	2.328.818.410	45%	100%
246	VSC	CTCP Container Việt Nam	50.112.304	95%	100%
247	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	206.241.246	50%	100%
248	VSI	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước	13.199.997	30%	100%
249	VTO	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco	78.866.666	45%	100%
250	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1	31.279.968	30%	100%